

ĐÔI NÉT VỀ SỰ ĐA DẠNG SINH KẾ CỦA MỘT SỐ TỘC NGƯỜI Ở KHU VỰC BIÊN GIỚI TỈNH HÀ GIANG¹

TS. Lê Thị Mùi
TS. Nguyễn Thị Thanh Bình
Viện Dân tộc học
Email: nguyenttbinh@yahoo.com

Tóm tắt: Vấn đề sinh kế của các tộc người ở nước ta đã được quan tâm nghiên cứu nhiều hơn trong vài thập niên gần đây. Kết quả đã góp phần đưa ra các thông tin về sự đa dạng sinh kế, nguồn sinh kế ở các tộc người tại các vùng miền; nhiều nghiên cứu tập trung phân tích sinh kế của một địa phương, một tộc người hay một vùng, song ít đưa ra các trường hợp mang tính so sánh và bàn luận về sự khác biệt đó. Trên cơ sở tư liệu thực địa tại 4 xã với 4 tộc người Hmông, Tày, Nùng và Lô Lô ở khu vực biên giới Việt Nam - Trung Quốc thuộc tỉnh Hà Giang, bài viết mong muốn cung cấp những ví dụ cụ thể về đa dạng sinh kế ở các tộc người thể hiện ngay từ cấp độ thôn bản, qua đó làm rõ ảnh hưởng của vị trí địa lý, điều kiện tự nhiên và xã hội tới sự lựa chọn các hoạt động sinh kế của người dân ở mỗi địa phương.

Từ khoá: Sinh kế, đa dạng sinh kế, Hmông, Tày, Nùng, Lô Lô, biên giới, Hà Giang.

Abstract: The study of ethnic groups' livelihoods in our country has received more attention in recent decades. The results contribute to providing information on livelihood diversity and resources of ethnic groups in different regions. Many studies focused on analysing the livelihoods of a locality, an ethnic group or a single region. However, comparative studies that discuss differences are rare. Based on field data in four communes with four ethnic groups Hmong, Tay, Nung, and Lo Lo in the Vietnam-China border area in Ha Giang province, the article aims to provide specific examples of ethnic groups' livelihood diversity shown from the village level. Thereby, the article clarifies the influence of geographical location and natural and social conditions on people's choice of livelihood activities in each locality.

Keywords: Livelihoods, livelihood diversity, Hmong, Tay, Nung, Lo Lo, border, Ha Giang.

Ngày nhận bài: 28/2/2022 ; ngày gửi phản biện: 1/3/2022; ngày duyệt đăng: 28/3/2022

¹ Bài viết là sản phẩm của đề tài cấp Bộ “Ý thức quốc gia - dân tộc của một số tộc người ở vùng biên giới Việt Nam - Trung Quốc tại tỉnh Hà Giang”, do Viện Dân tộc học chủ trì, TS. Nguyễn Thị Thanh Bình làm chủ nhiệm giai đoạn 2021-2022.

Mở đầu

Các nghiên cứu Dân tộc học/Nhân học đã chỉ ra rằng, kể từ khi đất nước ta thực hiện công cuộc Đổi mới (1986), sinh kế của các tộc người đã có sự biến đổi mạnh mẽ trên nhiều phương diện, từ cơ cấu kinh tế, loại hình kinh tế đến quan hệ sở hữu nguồn tư liệu sản xuất và mạng lưới xã hội trong mưu sinh. Về cơ bản, một số hoạt động sinh kế truyền thống như sản xuất nương rẫy, khai thác các nguồn lợi tự nhiên đã suy giảm đáng kể; cây lúa nương được thay thế bằng các cây nông sản hàng hóa, cây công nghiệp; các loại hình sinh kế mới như làm thuê, buôn bán, dịch vụ, du lịch cộng đồng, trồng rừng... xuất hiện ngày càng phổ biến (Vũ Đình Mười & Nguyễn Thu Trang, 2021; Bùi Văn Đạo chủ biên, 2020; Vũ Trường Giang chủ biên, 2018); kinh tế hàng hóa và hiện đại hóa thực sự diễn ra ở khắp các cộng đồng tộc người (Turner và Michaud, 2016). Song, sự biến đổi này có mức độ, sắc thái khác nhau theo đặc thù từng vùng miền (Vũ Đình Mười & Nguyễn Thu Trang, 2021). Trong thực tế, nguồn sinh kế của các cộng đồng cư dân rất đa dạng, phụ thuộc nhiều yếu tố như tài nguyên, con người, xã hội, cơ hội tiếp cận thị trường... (Trần Hồng Hạnh chủ biên, 2018, tr. 37).

Hà Giang là tỉnh miền núi biên giới phía Bắc nước ta với đường biên giới dài 274 km, tiếp giáp hai tỉnh Quảng Tây và Vân Nam của Trung Quốc, có 18 dân tộc với dân số trên 854.679 người (Tổng cục Thống kê, 2019) cùng sinh sống; trong đó: các dân tộc có dân số đông như Hmông (chiếm 34%), Tày (23%), Dao (15%), Kinh (13%), Nùng (9%)..., và có 5 dân tộc là các dân tộc có dân số rất ít ở nước ta là Lô Lô, Bố Y, Cơ Lao, Pu Páo, Pà Thẻn. Địa hình tỉnh Hà Giang khá phức tạp, có nhiều dãy núi cao, độ dốc lớn, được chia thành ba vùng với những điều kiện tự nhiên, kinh tế, xã hội khác biệt: vùng I là vùng cao núi đá phía Bắc gồm các huyện Đồng Văn, Mèo Vạc, Yên Minh, Quản Bạ; vùng II là vùng cao núi đất phía Tây gồm các huyện Hoàng Su Phì và Xín Mần; vùng III là núi thấp gồm các huyện Bắc Quang, Vị Xuyên, Bắc Mê, Quang Bình, thị xã Hà Giang. Điều kiện tự nhiên này đã tạo nên các phương thức sinh kế đặc trưng của mỗi tiểu vùng, mỗi tộc người. Các tộc người ở vùng cao núi đá chuyên trồng canh tác hóc đá và trồng các cây dược liệu, cây ăn quả; ở vùng cao núi đất các tộc người lại nổi tiếng với canh tác ruộng bậc thang và trồng cây chè Shan Tuyết; với vùng núi thấp điều kiện tự nhiên thích hợp với các cây nhiệt đới, thuận lợi cho việc trồng các cây ăn quả và cây công nghiệp.

Trong những năm qua, ngoài phát triển nông - lâm nghiệp theo hướng hàng hóa, bảo tồn và phát triển các ngành nghề thủ công truyền thống, Hà Giang đẩy mạnh phát triển du lịch. Đến năm 2017, toàn tỉnh đã xây dựng được 36 làng văn hóa du lịch cộng đồng và 39 làng nghề truyền thống (Nguyễn Văn Minh chủ biên, 2021). Dù nền kinh tế có nhiều chuyển biến tích cực, nhưng nguồn lực đầu tư cho phát triển còn thiếu, điều kiện tự nhiên khắc nghiệt nên đời sống của các tộc người thiểu số ở Hà Giang vẫn còn khó khăn, tỷ lệ hộ nghèo vẫn ở mức cao, chiếm tới 42,08% theo chuẩn nghèo mới giai đoạn 2022 - 2025 (Ban Dân tộc

tỉnh Hà Giang, 2021), di cư lao động tìm việc làm ở bên kia biên giới đang đặt ra nhiều vấn đề bức thiết ở các tộc người thuộc tỉnh trong những năm qua².

Dựa trên tư liệu khảo sát vào tháng 11/2021 và tháng 1/2022 tại 4 cộng đồng tộc người ở 4 xã thuộc 3 huyện của tỉnh Hà Giang (người Hmông ở xã Lao Chải, huyện Vị Xuyên và xã Phú Lũng, huyện Yên Minh; người Tày và người Nùng ở xã Thanh Thủy, huyện Vị Xuyên; người Lô Lô ở xã Lũng Cú, huyện Đồng Văn), bài viết này đưa ra các ví dụ cụ thể về sự đa dạng sinh kế ở cấp độ địa phương của các tộc người thuộc vùng biên giới tỉnh Hà Giang, qua đó tìm hiểu về thực trạng sinh kế và những vấn đề đặt ra trong hoạt động sinh kế của các tộc người nơi đây.

1. Sinh kế của người Hmông ở xã Lao Chải, huyện Vị Xuyên và xã Phú Lũng, huyện Yên Minh

1.1. Sinh kế của người Hmông ở xã Lao Chải, huyện Vị Xuyên

Lao Chải là xã biên giới vùng cao của huyện Vị Xuyên với vị trí chiến lược quan trọng, phía bắc giáp dân tộc Dao thuộc hương Múnt Túng, Mãnh Động, huyện Malypho tỉnh Vân Nam, Trung Quốc; phía đông giáp hai xã Xín Chải và Phương Tiến của huyện Vị Xuyên; phía nam và phía tây giáp huyện Hoàng Su Phì và Trung Quốc. Xã có diện tích tự nhiên 4.983,62 ha, chủ yếu đồi núi đất; trong đó: đất nông nghiệp 758,99 ha, đất lâm nghiệp 3.062,78 ha, đất nuôi trồng thủy sản 0,12 ha, đất phi nông nghiệp 105,18 ha, đất chưa sử dụng 516,54 ha (UBND xã Lao Chải, 2021). Dân số tính đến tháng 5/2021 là 438 hộ với 2.417 người, trong đó 98,4% là dân tộc Hmông³, sinh sống ở 4 thôn bản. Do địa hình phức tạp, hiểm trở, chủ yếu là đồi núi cao, bị chia cắt bởi nhiều khe sâu, kết cấu địa chất dễ xảy ra sạt lở nên giao thông đi lại trên địa bàn còn gặp khó khăn. Khí hậu mùa hè nóng ẩm và mưa nhiều, hay xảy ra lũ quét, sạt lở đất; mùa khô rét đậm, thiếu nước cho sinh hoạt và cho sản xuất, đây cũng là những cản trở cho sự phát triển kinh tế - xã hội của địa phương. Tuy nhiên, nhờ nguồn tài nguyên rừng còn dồi dào, đất đai khá rộng, nên người Hmông ở Lao Chải có điều kiện để phát triển kinh tế nông - lâm nghiệp.

Người Hmông cư trú ở xã Lao Chải được khoảng 8 đời, vì vậy hệ thống ruộng bậc thang nơi đây đã hình thành và khai phá trên 100 năm nay. Trước đây, sinh kế chính của đồng bào là canh tác nương rẫy và ruộng bậc thang, ruộng nước với các loại cây trồng: lúa, ngô, rau màu, một số cây ăn quả, cây dược liệu. Ngoài ra, do điều kiện thiên nhiên ưu đãi, có nhiều rừng, nên người dân thường khai thác các sản phẩm phụ của rừng (các loại rau, măng, nấm, mật ong, côn trùng) phục vụ bữa ăn hàng ngày.

² Năm 2014, ước tính khoảng 47.676 người lao động ở Hà Giang sang làm việc tự do ở Trung Quốc (Nguyễn Văn Chính, 2021, tr.39).

³ Cả xã chỉ có 3 hộ dân tộc Kinh với 7 khẩu, 2 hộ dân tộc Tày với 11 khẩu, 2 hộ dân tộc Nùng với 5 khẩu.

Hiện nay, nông nghiệp vẫn là sinh kế chính của đồng bào Hmông nơi đây. Năm 2021, cả xã có 80,5 ha lúa nước với các giống lúa như: Nhị ưu 838, Cương ưu 725, Kim ưu 1588 và một số giống nếp địa phương; năng suất ước đạt 65 tạ/ha, sản lượng đạt khoảng 523,25 tấn. Diện tích cây ngô là 45 ha, năng suất đạt 35 tạ/ha và sản lượng đạt 1.575 tấn. Ngoài ra, người dân còn gieo trồng 20 ha đậu tương và 7,3 ha rau, đậu các loại.

Năm 1997, thảo quả được đưa vào trồng ở Lao Chải, từ năm 2000 diện tích cây trồng này bắt đầu phát triển mạnh. Đến năm 2021, diện tích thảo quả của cả xã là 427,8 ha, trong đó có 350,2 ha cho thu hoạch với năng suất ước đạt 200 - 250 tạ khô/ha. Mỗi hộ thường có diện tích gần 1 ha thảo quả, một số ít hộ có đến 2 ha nhờ có đông lao động đi phát trồng. Thảo quả thường được trồng ở dưới tán cây rừng, khu vực khe suối.

Cây chè được người Hmông ở Lao Chải trồng từ sớm ở các chân đồi. Có những cây chè đã trên 100 năm tuổi. Tuy nhiên, trước đây các gia đình chỉ trồng chè với diện tích không nhiều nên sản lượng thu hoạch ít, đem bán ở chợ xã Thanh Thủy hoặc chợ bên kia biên giới. Những năm gần đây, người dân mở rộng diện tích trồng cây này, trở thành một loại cây hàng hóa. Năm 2021, cả xã có 106,4 ha chè với năng suất đạt 7,6 tạ/ha chè búp tươi, sản lượng đạt 77,52 tấn. Trước khi dịch Covid-19 diễn ra năm 2020 và Trung Quốc chưa xây hàng rào biên giới, các thương lái Trung Quốc thường sang tận bản thu mua chè búp tươi với giá 20 nghìn đồng/kg. Gần đây, người dân chỉ có thể bán chè cho các tư thương trong vùng với giá 16-17 nghìn đồng/kg hoặc tự sao khô để bán.

Bên cạnh trồng trọt, người Hmông ở Lao Chải còn phát triển chăn nuôi trên cơ sở tận dụng nguồn lương thực và diện tích chăn thả sẵn có. Năm 2021, cả xã có 914 con trâu, 32 con bò, đàn lợn 1.042 con, dê 275 con. Bình quân mỗi hộ gia đình nuôi 1 - 2 con trâu (cá biệt có hộ nuôi đến 10 con trâu) và 2 - 3 con lợn. Mỗi hộ thường nuôi 10 - 30 con gia cầm, phục vụ nhu cầu tiêu dùng của gia đình và bán lấy tiền tiêu khi cần.

Thương mại, dịch vụ và lao động làm thuê ít phát triển ở Lao Chải. Cả xã chỉ có 16 hộ kinh doanh, buôn bán nhỏ lẻ phục vụ nhu cầu mua bán của người dân. Do công việc sản xuất nông nghiệp trong gia đình khá bận rộn quanh năm nên người Hmông ở đây cũng ít đi tìm việc làm thuê. Trước khi dịch Covid-19 diễn ra, hàng năm sau vụ thu hoạch, mỗi thôn chỉ có khoảng 4 - 5 nam giới sang biên giới làm thuê những công việc nông nghiệp ở các bản giáp biên để có thể đi về dễ dàng. Gần đây, cả xã có khoảng 40 lao động đi làm thuê trong huyện, tỉnh và một số địa phương trên cả nước, song thời gian đi làm ngắn, mang tính tạm thời; do người dân, ngay cả thanh niên trẻ không muốn xa nhà. Hiện tượng này có thể được giải thích bằng thực tế rằng, ở khu vực hương Múnt Tùng bên kia biên giới, người Hmông cũng chủ yếu làm nông nghiệp và đi làm thuê, nên sức hút lao động từ phía Việt Nam không mạnh bằng các địa phương khác của Trung Quốc. Hiện có rất ít gia đình người Hmông ở Lao Chải còn duy trì quan hệ họ hàng, bạn bè với người đồng tộc ở bên kia biên giới. Cả xã có khoảng

hơn 10 phụ nữ lấy chồng bên Trung Quốc, chủ yếu từ những năm 1980 - 1990. Do xã nằm ở vị trí xa xôi, hẻo lánh của huyện Vị Xuyên nên người dân ở đây ít đi xuống các vùng thấp để giao lưu, làm việc. Có thể do đất đai còn dồi dào, có nhiều điều kiện cho sản xuất nông - lâm nghiệp, nên sức ép về lương thực, việc làm không đặt ra lớn đối với người dân nơi đây; người Hmông cũng rất gắn bó với nông nghiệp và quê hương.

Với các nguồn sinh kế nêu trên, thu nhập bình quân đầu người ở Lao Chải năm 2020 là 15,5 triệu đồng. Đa phần các hộ trong xã đủ lúa gạo ăn; tiền bán thảo quả, chè, gia súc, gia cầm được sử dụng để mua vật tư nông nghiệp, vật dụng cần thiết và chi tiêu trong gia đình. Cả xã chỉ còn vài hộ gia đình chưa mua xe máy, nhiều hộ đã có máy cày, máy phát cỏ. Đến năm 2020, cả xã vẫn còn 153 hộ nghèo, 79 hộ cận nghèo, mức chi tiêu cho ăn uống hàng ngày của các gia đình vẫn ở mức khá thấp. Mong muốn của chính quyền và người dân địa phương hiện nay là được đầu tư hơn về giao thông, mở rộng sản xuất nông - lâm nghiệp hàng hóa, thí điểm trồng cây sa nhân dưới tán rừng và phát triển các cây rau màu trái vụ (su su, bắp cải, su hào).

1.2. Sinh kế của người Hmông ở xã Phú Lũng, huyện Yên Minh

Phú Lũng là xã vùng cao núi đá biên giới, nằm ở phía tây bắc huyện Yên Minh, cách trung tâm huyện lỵ 42 km. Xã có 13 thôn bản, trong đó có 4 thôn biên giới (Xín Chải, Phú Lũng, Súng Lìn, Xà Ván) với 10,201 km đường biên giới, tiếp giáp hương Dương Vạn, huyện Malypho, tỉnh Vân Nam, Trung Quốc. Xã có diện tích tự nhiên là 1.702,5 ha, trong đó đất nông nghiệp có 867,6 ha, rừng tự nhiên và rừng trồng có 353,51 ha. Phần lớn diện tích của xã là đồi núi đá, đất đai bạc màu, thiên tai, hạn hán xảy ra thường xuyên; địa hình chia cắt phức tạp; giao thông đi lại khó khăn. Dân số toàn xã năm 2021 là 627 hộ, 3.553 nhân khẩu thuộc 6 dân tộc, trong đó người Hmông chiếm 48,4%, Dao (45,3%), Cơ Lao (3,2%), Pu Péo (0,7%), Kinh (1,7%) và Tày (0,8%).

Do địa hình núi đá và thiếu nước, cây ngô là cây lương thực chính được trồng ở Phú Lũng. Năm 2021, diện tích ngô của cả xã là 196,6 ha, năng suất trung bình đạt 42,57 tạ/ha, sản lượng khoảng 836,926 tấn. Diện tích lúa chỉ có 71,5 ha với năng suất trung bình đạt 58,1 tạ/ha. Cây đậu tương được trồng khá nhiều với diện tích 118,6 ha, trong đó vụ Đông Xuân trồng 8,2 ha, vụ Hè Thu trồng 110,4 ha. Các cây có củ như dong riềng, sắn, khoai lang, khoai sọ được trồng khoảng 41,3 ha. Cỏ thức ăn cho gia súc được trồng trên diện tích 163,5 ha. Cây ăn quả có diện tích 29,8 ha; cây rau màu là 227,2 ha và cây dược liệu có 5 ha. Ngoài ra, người dân trong xã còn trồng 7 ha mía và 5,6 ha cây lanh. Ngoài trồng trọt, chăn nuôi ở Phú Lũng cũng khá phát triển. Cả xã có đàn trâu 261 con, đàn bò 285 con, đàn lợn 1.892 con, đàn dê 41 con. Bên cạnh đó, các hộ gia đình còn nuôi được 17.368 con gia cầm và 245 đàn ong.

Tuy nhiên, điều kiện để sản xuất nông nghiệp và chăn nuôi của mỗi thôn trong xã Phú Lũng lại khác nhau. Nếu như người Hmông ở thôn Xín Chải và Sùng Sử B có khá nhiều diện

tích canh tác lúa, ngô (mỗi hộ có khoảng 1.500m² đất trồng lúa, 2.000m² đất trồng ngô) thì tại thôn Sùng Lìn (có 55 hộ, 236 người Hmông sinh sống), mỗi hộ gia đình chỉ có khoảng 1500m² đất trồng ngô. Những năm trước đây, một phần nhỏ diện tích này có thể trồng được lúa; nhưng gần đây do thiếu nước nên bà con chuyển sang trồng ngô. Mỗi hộ còn có một diện tích nhỏ trồng rau màu. Cũng do địa hình dốc, hẹp, không có bãi chăn thả, nên chỉ có 20 hộ nuôi được 1 - 2 con trâu, bò. Đa phần các hộ nuôi 1 năm từ 4 - 6 con lợn, nhằm tận dụng nguồn thức ăn từ ngô. Ngoài trồng trọt, chăn nuôi, nguồn thu nhập từ rừng ở Sùng Lìn cũng như các thôn khác của Phú Lũng rất ít. Mỗi hộ trong thôn được giao quản lý bảo vệ rừng cộng đồng với thu nhập khoảng 300.000 đồng/1 năm.

Do thiếu đất canh tác nên từ năm 2007, khi phong trào đi làm thuê bên kia biên giới nở rộ, người Hmông cũng như các dân tộc khác ở Phú Lũng bắt đầu tham gia vào hoạt động sinh kế này cho đến năm 2019. Từ năm 2020, khi dịch Covid-19 diễn ra, người dân trong xã nhanh chóng chuyển hướng tìm việc làm ở các tỉnh trong nước, từ Bắc Ninh, Bắc Giang đến Bình Dương, Bình Phước,... Năm 2021, tổng thu nhập của xã đạt trên 102 tỷ đồng, trong đó thu nhập từ nông - lâm nghiệp là hơn 29 tỷ đồng (chiếm 28,25%), thương mại dịch vụ, tiền lương, tiền công lao động là trên 73 tỷ đồng (71%). Thu nhập bình quân đầu người đạt 28,8 triệu đồng/người/năm. Phú Lũng trở thành xã nổi tiếng của huyện Yên Minh về tình trạng di cư lao động, nhờ đó trong nhiều năm qua, đời sống của người dân được cải thiện, tỷ lệ nhà ở kiên cố được xây dựng ngày một tăng, giúp cho Phú Lũng trở thành xã đạt chuẩn nông thôn mới năm 2017 và trở thành xã biên giới đầu tiên của tỉnh Hà Giang hoàn thành tiêu chí về nhà ở theo Bộ tiêu chí xây dựng Nông thôn mới. Có tới 91% hộ gia đình trong xã có nhà ở đạt tiêu chuẩn theo quy định, đảm bảo 3 cứng: nền cứng, khung cứng, mái cứng; 91% số lao động có việc làm thường xuyên, trên 90% số hộ được sử dụng nước hợp vệ sinh thường xuyên. Trong 7 năm xây dựng nông thôn mới, xã đã bê tông hóa được 4,4/7,4 km đường trục thôn, liên thôn; 7,2/12,8 km đường ngõ, xóm; nâng tỷ lệ hộ được sử dụng điện lưới quốc gia lên 98,6% (Duy Tuấn, 2018). Tỷ lệ hộ nghèo của xã năm 2020 là 9,40%; năm 2021 với cách tính chuẩn nghèo mới, tỷ lệ này tăng lên 33,33% (Ủy ban nhân dân xã Phú Lũng, 2021).

Với thôn giáp biên như Sùng Lìn, tình trạng lao động tìm việc làm bên kia biên giới trước năm 2020 diễn ra càng sôi động hơn. Hầu như 100% hộ trong thôn có người đi làm xa, có gia đình có tới 3 - 4 lao động cùng đi. Một số gia đình cả hai vợ chồng đi làm và mang theo con cái đi cùng. Từ làm thuê các công việc sản xuất nông nghiệp (chăm sóc cây, chặt cây) hay làm xây dựng ở khu vực sát biên giới (với mức lương khoảng 300 nghìn đồng/ngày công), nhờ sự giúp đỡ của người đồng tộc, thân tộc ở các bản ngay bên kia biên giới thuộc Trung Quốc, người Hmông ở Sùng Lìn còn đi sâu vào tỉnh Quảng Đông và một số tỉnh khác để làm việc trong các công xưởng, nhà máy (với mức lương trên 10 triệu đồng/tháng). Kết quả phỏng vấn cho thấy, khoảng 20 hộ trong thôn có quan hệ họ hàng với đồng tộc bên kia biên giới và hơn 10 phụ nữ trong thôn đã kết hôn với người bên Trung Quốc. Từ những quan

hệ thân tộc này, người Hmông ở Sủng Lìn có thể phát triển mạnh hoạt động làm thuê xuyên biên giới của họ.

Sau khi dịch Covid-19 bùng phát năm 2020, với tính năng động vốn có, người Hmông ở thôn Sủng Lìn nói riêng và xã Phú Lũng nói chung nhanh chóng tăng cường di cư lao động trong nước. Năm 2021, cả xã có khoảng 400 lao động đi làm ăn xa nhà. Chiến lược sinh kế trước mắt của người Hmông ở đây là tiếp tục thâm canh trên diện tích đất nông nghiệp hiện có; tăng cường phát triển chăn nuôi, đặc biệt là chăn nuôi lợn kết hợp với đi làm ăn xa mà Bình Dương là địa bàn mà nhiều người dân ở đây đang hướng tới.

2. Sinh kế của người Tày và Nùng ở xã Thanh Thủy, huyện Vị Xuyên

Thanh Thủy là xã biên giới huyện Vị Xuyên, nơi từng là tuyến đầu ác liệt trong cuộc chiến chống quân xâm lược Trung Quốc năm 1979 - 1989. Phải đến giữa thập niên 1990, nhân dân trong xã mới ổn định lại cuộc sống, khắc phục hậu quả bom mìn chiến tranh, từng bước phát triển sản xuất. Năm 2014, cửa khẩu quốc gia Thanh Thủy được nâng cấp thành cửa khẩu quốc tế, mang lại cho địa phương cơ hội phát triển hạ tầng và kinh tế - xã hội.

Xã có diện tích tự nhiên 4.362,54 ha, trong đó: đất nông nghiệp 3.259,37 ha; đất phi nông nghiệp 284,24 ha; đất chưa sử dụng 818,93 ha. Toàn xã có 07 thôn, trong đó 02 thôn là Nậm Ngắt và Giang Nam giáp ranh với trấn Thiên Bảo, huyện Malypho, tỉnh Vân Nam, Trung Quốc. Dân số của xã tính đến tháng 8/2021 là 605 hộ, 2261 nhân khẩu, với 4 dân tộc có dân số đông là Tày (39%), Dao (28%), Nùng (20%), Hmông (10%); còn lại khoảng 10 dân tộc có dân số ít hơn là Kinh, Hoa, La Chí, Sán Diu, Giáy, Cơ Lao, Pu Páo,... Người Dao cư trú tập trung ở những bản vùng cao như Nậm Ngắt, Cốc Nghè, Lũng Đoóc; người Hmông do thực hiện chính sách hạ sơn nên sống xen kẽ cùng với người Tày, Nùng, Dao ở thôn vùng thấp Giang Nam; người Kinh và Hoa cũng tập trung chủ yếu ở Giang Nam - thôn trung tâm của xã.

Nếu như người Dao ở các bản vùng cao thường canh tác lúa một vụ, nương rẫy kết hợp với trồng chè, thảo quả và chăn nuôi, thì ở các thôn vùng thấp, các tộc người Tày, Nùng làm ruộng nước, trồng ngô, rau màu kết hợp chăn nuôi, buôn bán, làm thuê, làm nghề phụ - chủ yếu là nấu rượu ở hộ người Tày. Song, do khác biệt về điều kiện tự nhiên, sinh kế của người Tày và Nùng ở hai thôn giáp ranh này cũng có sự khác nhau.

Thanh Sơn và Nà Sắt là hai thôn vùng thấp của xã. Thôn Thanh Sơn cách trung tâm xã 5 km, cách đường quốc lộ 2 khoảng 800 m, có 81 hộ, trên 344 khẩu, trong đó 95% là người Tày, số còn lại là người Kinh, Dao, Cao Lan. Thôn Nà Sắt nằm ở ven sông Lô, đối diện với thôn Thanh Sơn, với 64 hộ, 288 khẩu (đại đa số là người Nùng, chỉ một số ít người Kinh, Dao, Tày, Hoa, La Chí, Hmông đến làm dâu, rể). Mặc dù ở gần cửa khẩu, nhưng cả người Tày và Nùng ở hai thôn đều ít giao lưu, quan hệ đồng tộc hay hôn nhân với người bên kia biên giới.

Với lợi thế địa hình khá bằng phẳng, thôn Thanh Sơn có 22 ha đất trồng lúa 2 vụ thuộc loại đất tốt nhất xã với năng suất bình quân đạt 65 tạ/ha; 17 ha đất trồng ngô và sắn, 35 ha đất vườn rừng. Sản phẩm lúa, ngô không những đáp ứng đủ nhu cầu lương thực cho người Tày nơi đây mà còn được dùng để nấu rượu và chăn nuôi. Chỉ có khoảng 30 hộ trong thôn nuôi được tổng cộng 40 con trâu. Hầu hết các gia đình đều đẩy mạnh phát triển nuôi lợn (trung bình mỗi hộ nuôi từ 10 - 30 con mỗi năm, giống lợn đen địa phương); đồng thời đào ao thả cá trước cửa để làm đẹp cảnh quan và tạo nguồn thực phẩm, nhiều hộ có cá để bán. Có 45 hộ làm nghề nấu rượu kết hợp nuôi lợn. Với vườn rừng, trước đây người Tày ở Thanh Sơn thường chỉ trồng tre, nứa, vầu hay những cây cho thu nhập thấp. Gần đây, một số gia đình bắt đầu chú trọng trồng các cây lâm sản có giá trị hơn như bạch đàn, téch.

Người Tày ở đây còn phát triển buôn bán, dịch vụ và làm thuê. Có 5 hộ gia đình mở quán bán hàng; khoảng hơn 10 người làm nghề xây dựng. Từ năm 2000, một số lao động trong thôn tham gia bốc vác thuê tại cửa khẩu Thanh Thủy (cách thôn 7 km). Đến nay, khoảng 30% các hộ có lao động tham gia hoạt động này. Ngoài ra, nhờ giữ được nhiều nét văn hóa truyền thống của người Tày như trên 90% nhà cửa trong thôn là nhà sàn, cộng với phong cảnh thung lũng, núi đá xung quanh đẹp, tháng 3/2012, thôn Thanh Sơn đã được UBND huyện Vị Xuyên phê duyệt đề án xây dựng Làng Văn hóa du lịch tiêu biểu gắn với xây dựng nông thôn mới. Tháng 7/2015, thôn chính thức được công nhận là Làng Văn hóa du lịch tiêu biểu của tỉnh. Trong quá trình đó, thôn được ngân sách huyện hỗ trợ 5 tỷ đồng để làm đường bê tông, xây dựng chuồng trại nuôi nhốt gia súc, gia cầm tập trung, chỉnh trang khuôn viên gia đình,... Đã có 12 hộ gia đình trong thôn đăng ký mô hình dịch vụ homestay phục vụ nhu cầu ăn, nghỉ tại chỗ của du khách. Một số hộ gia đình cũng phát triển nghề dệt, đan lát truyền thống. Trước khi có đại dịch Covid-19, mỗi năm thôn thu hút trên 3.000 lượt khách du lịch đến tham quan (Nguyễn Phương, 2017).

Nhờ sự đa dạng sinh kế, đời sống của người Tày ở Thanh Sơn được cải thiện. Đến năm 2020, thu nhập bình quân đầu người đạt 23 triệu đồng/người/năm. Trong thôn có 8 hộ giàu đều có ô tô, 18 hộ khá, 43 hộ trung bình và 12 hộ nghèo. Do hoạt động du lịch chỉ mang lại thu nhập cho một số hộ gia đình nên hầu hết người dân trong thôn luôn xác định nông nghiệp và lao động làm thuê là sinh kế chính của họ hiện nay. Tuy nhiên, nhờ thu nhập từ nông nghiệp đảm bảo được nhu cầu tối thiểu đời sống hàng ngày của các gia đình, nên trước mắt người dân ở đây chỉ muốn tiếp tục trồng trọt, chăn nuôi theo hướng hàng hóa kết hợp với đi làm thuê bốc vác ở cửa khẩu khi có việc. Theo người dân, họ thích làm công việc đó và không muốn đi làm thuê xa vì ngại phải xa nhà và bị gò bó về thời gian trong công việc.

Thôn Nà Sắt có tổng diện tích gieo trồng hàng năm là 62,9 ha, trong đó diện tích cấy lúa 14,5 ha với năng suất bình quân 58,5 tạ/ha; diện tích ngô 28 ha, năng suất bình quân 33 tạ/ha; cây lạc 8,5 ha; cây đậu tương 2,5 ha; diện tích rau, đậu, cây ăn quả các loại gần 10 ha. Trung bình mỗi hộ dân có 0,2 ha đất trồng lúa, 0,5 ha đất trồng ngô và hoa màu. Tổng sản

lượng lúa, ngô của cả thôn đạt khoảng 176,5 tấn, sản lượng lương thực bình quân đầu người đạt 637 kg/người/năm. Ngoài ra, cả thôn có 50 ha đất vườn rừng, mỗi hộ trung bình có khoảng 0,5 ha. Cũng như người Tày tại Thanh Sơn, người Nùng ở Nà Sắt thường chỉ trồng những cây tre, vầu, chuối trên đất rừng nên thu nhập không đáng kể, chỉ vài triệu đồng/ năm. Gần đây mới có một số hộ trồng cây ăn quả như na dai cho thu nhập khoảng 10 triệu đồng/năm.

Chăn nuôi ở Nà Sắt đã theo hướng hàng hóa nhưng còn ở quy mô nhỏ lẻ. Năm 2020, tổng đàn gia súc của thôn là 621 con, trong đó trâu 57 con, bò 14 con, dê 100 con, lợn 450 con. Tổng đàn gia cầm là 3.960 con. Người Nùng ở đây cũng phát triển ao nuôi cá nhưng với diện tích ít hơn người Tày ở Thanh Sơn. Cả thôn có 30 hộ nuôi cá trên diện tích 1,5 ha mặt nước với sản lượng khoảng 1,2 tấn cá/năm, song vẫn chưa có sản phẩm bán ra thị trường.

Nhìn chung, các nguồn thu từ nông - lâm nghiệp đều đảm bảo đủ lương thực cho các gia đình trong thôn, nhưng không cung cấp đủ nguồn tài chính cho chi tiêu của gia đình. Vì vậy, nhiều năm qua người dân thường đi làm thêm, nhưng cũng giống như người Tày ở Thanh Sơn, người Nùng ở Nà Sắt không sang biên giới làm thuê mà chỉ tìm việc làm ở địa phương. Nhờ có nhiều công ty, hộ gia đình kinh doanh ván gỗ dọc bờ sông Lô và quốc lộ 2 thuộc xã, nên có tới 50/64 hộ người Nùng ở đây nhận phơi thuê ván gỗ với tiền công 150.000 đồng/người/ngày. Có gần 30 nam giới nơi đây tham gia vào 3 tổ bốc vác ván gỗ với ngày công khoảng 200.000 đồng/ngày/người. Thu nhập từ việc làm thuê chiếm 50% tổng thu nhập của các hộ gia đình này. Người Nùng ở đây không tham gia bốc vác ở cửa khẩu như người Tày ở Thanh Sơn. Họ giải thích rằng họ thích công việc phơi và bốc vác ván dù thu nhập thấp hơn nhưng công việc đỡ nặng nhọc và đỡ phải đi xa ra cửa khẩu (8 km). Vì vậy, từ trước đến nay chỉ một số thanh niên trẻ trong thôn đi học và đi làm xa nhà. Năm 2021, cả thôn chỉ có 14 thanh niên trẻ (đa phần là chưa có gia đình) đi làm thuê ở các tỉnh thành trong nước.

Với thu nhập bình quân đầu người năm 2019 là 18.500.000 đồng/người/năm, đời sống của người Nùng ở Nà Sắt vẫn còn khó khăn. Theo phân loại chuẩn nghèo năm 2021, thôn vẫn có 21 hộ nghèo, 32 hộ cận nghèo, 8 hộ trung bình, 3 hộ khá, không có hộ giàu. Cả thôn mới có 7% nhà kiên cố, còn lại 93% là bán kiên cố. Mặc dù diện tích nông - lâm nghiệp ở đây không phải là quá lớn nhưng cũng đủ để người dân tiếp tục thâm canh tăng vụ, mở rộng sản xuất và phát triển các cây, con hàng hóa như cây lâm nghiệp, cây ăn quả, lợn và dê. Tuy nhiên, do đường vào thôn chỉ là một cây cầu treo, xe cơ giới chưa vào được nên người dân đang phải chi trả cho giá thành vật tư nông nghiệp, vật liệu xây dựng nhà cửa rất cao. Bên cạnh đó, hàng hóa nông - lâm nghiệp của thôn cũng gặp khó khăn trong khâu bán, vận chuyển. Chiến lược sinh kế của người dân trong thôn trong thời gian tới là đẩy mạnh sản xuất nông - lâm nghiệp hàng hóa kết hợp làm thuê cho các doanh nghiệp, hộ tư nhân cạnh thôn.

3. Sinh kế của người Lô Lô ở xã Lũng Cú, huyện Đồng Văn

Lô Lô Chải là một trong 9 thôn của xã Lũng Cú, huyện Đồng Văn, cách trung tâm xã khoảng 500 m. Đến cuối năm 2021, thôn có 114 hộ, hơn 500 nhân khẩu, trong đó có 104 hộ Lô Lô, 10 hộ Hmông. Đây cũng là một trong 4 thôn Lô Lô của tỉnh Hà Giang. Nằm sát bên Cột cờ Lũng Cú, điểm cực Bắc của đất nước, thôn có địa hình đặc trưng của vùng cao nguyên đá, khung cảnh thơ mộng là lợi thế cho phát triển du lịch. Đến nay, người dân trong thôn sống chủ yếu bằng canh tác lúa, ngô, kết hợp nấu rượu và chăn nuôi lợn. Tổng diện tích đất trồng ngô là 25 ha, đất trồng lúa 19 ha, đất trồng hoa màu khác là 44 ha. Thôn có 36 ha rừng cộng đồng, chủ yếu là rừng thông đã được 20 năm tuổi. Mỗi năm cả thôn được chi trả 136 triệu tiền bảo vệ rừng, bình quân mỗi hộ được 1.150.000 đồng. 10 hộ có rừng riêng với diện tích từ 1 đến 2 ha.

Về chăn nuôi, cả thôn có 26 con trâu do 15 hộ nuôi, trong đó hộ nhiều nhất 3 con; 110 con bò do 60 hộ nuôi, hộ nhiều nhất 4 con; 40 con dê do 8 hộ nuôi. Đa phần các gia đình đều nuôi lợn, thường nuôi 2 - 3 con/năm, nhà nuôi nhiều nhất là 10 con/năm. Các gia đình cũng thường nuôi vài chục con gà, đặc biệt là giống gà đen địa phương để phục vụ nhu cầu của gia đình và bán ra thị trường. Ngoài ra, người Lô Lô ở đây còn duy trì được một số nghề thủ công như làm nôi, làm mộc, nghề thêu với quy mô nhỏ.

Do diện tích đất trồng lúa hạn hẹp, khoảng 20 hộ trong thôn có diện tích ít hơn 2 sào nên bị thiếu lương thực từ 1 đến 2 tháng mỗi năm. Đến năm 2007, tỷ lệ hộ nghèo trong thôn vẫn chiếm đến 75%, thu nhập bình quân đầu người chỉ đạt 6 triệu đồng/người/năm. Từ cuối những năm 2000, người dân ở đây bắt đầu hoạt động đi làm thuê. Trước khi có dịch Covid-19, mỗi năm thôn có khoảng 40 lao động sang Trung Quốc làm thuê, đi từ vài tháng đến một năm. Từ khi có dịch Covid-19, không thể sang Trung Quốc làm thuê, các lao động trẻ chuyển sang tìm việc tại những khu công nghiệp trong nước với số lượng khoảng hơn 20 người. So với các thôn người Hmông trong xã Lũng Cú, số lượng lao động Lô Lô ở thôn Lô Lô Chải đi làm thuê bên Trung Quốc trước kia và nội địa hiện nay ít hơn nhờ diện tích đất canh tác của người Lô Lô lớn hơn và sự phát triển của hoạt động du lịch cộng đồng trong những năm gần đây.

Năm 2006, thôn Lô Lô Chải được Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch công nhận là làng truyền thống tiêu biểu dân tộc ít người của tỉnh Hà Giang, được đầu tư kinh phí từ Chương trình mục tiêu quốc gia về văn hóa để thực hiện dự án bảo tồn di sản văn hóa. Nhờ đó, đến năm 2010, diện mạo đời sống kinh tế, văn hóa, xã hội trong thôn đã thay đổi. Từ năm 2011, một số hộ gia đình Lô Lô bắt đầu làm du lịch homestay. Năm 2014, khi đường ở đầu xã lên Cột cờ Lũng Cú được mở rộng, hoạt động du lịch trong thôn phát triển hơn. Đến năm 2021, có 28 hộ làm dịch vụ du lịch. Những năm 2017 - 2019 là thời kỳ du lịch ở thôn Lô Lô Chải phát triển mạnh. Thời gian cao điểm, mỗi tối thôn đón bình quân khoảng 300 khách. Thu

nhập bình quân một tháng của một hộ khoảng 10 - 12 triệu đồng, nhiều hộ đạt 20 - 30 triệu đồng trong nhiều tháng. Du lịch phát triển đã tác động đến nhiều mặt đời sống của thôn. Có 6 hộ chuyển hẳn sang làm du lịch, không trồng trọt mà cho thuê ruộng. Có 8 hộ cho người Kinh ở Hà Nội lên thuê nhà của người Lô Lô trong thôn để làm du lịch, rồi thuê lại chủ nhà đứng ra quản lý, điều hành homestay.

Nhờ phát triển du lịch, Hợp tác xã dệt thổ cẩm trong thôn được thành lập năm 2018 với 18 xã viên, dệt, thêu quần áo, túi, khăn theo mẫu truyền thống. Thu nhập mỗi lao động bình quân đạt hơn 2 triệu đồng/tháng. Hàng hóa nông sản trong thôn như lợn, gà, rau màu cũng được tiêu thụ tốt hơn. Năm 2014, tỷ lệ hộ nghèo trong thôn giảm xuống còn 46%, thu nhập bình quân đầu người 12 - 14 triệu đồng/người/năm. Năm 2020, thu nhập bình quân đầu người tăng lên 27,5 triệu đồng/người/năm. Thôn chỉ còn 18 hộ nghèo (chiếm 16%); 2 hộ có ô tô; 100% hộ có ít nhất 1 xe máy và ti vi. Người Lô Lô ở đây đánh giá cao vai trò của du lịch trong cải thiện sinh kế cũng như đời sống văn hóa, xã hội của họ. Họ mong muốn tiếp tục hoạt động này kết hợp với sản xuất nông nghiệp và lao động làm thuê như đang diễn ra.

Kết luận

Trình bày trên cho thấy một bức tranh sinh kế đa dạng và sinh động của các tộc người ở vùng biên giới tỉnh Hà Giang hiện nay. Có thể nói 4 cộng đồng tộc người ở 4 địa phương là đại diện cho các vùng địa lý điển hình của tỉnh miền núi cực Bắc này. Thực trạng sinh kế của các cộng đồng đã phản ánh đầy đủ những gì các nghiên cứu về xu hướng biến đổi sinh kế tộc người ở nước ta đã đề cập, đó là: quá trình tăng cường sản xuất hàng hóa nông nghiệp; sự đa dạng hóa các nguồn thu nhập; xuất hiện lao động làm thuê, lao động xuyên biên giới, lao động di cư tìm việc làm; phát triển của du lịch cộng đồng; đời sống của người dân ngày càng được cải thiện;... Bên cạnh đó, qua các tư liệu khảo sát còn cho thấy mức độ, cách thức chuyển đổi sinh kế của mỗi địa phương có sự khác nhau, thể hiện từ ngay cấp độ thôn bản.

Về sản xuất nông nghiệp, tùy thuộc điều kiện đất đai mà mỗi cộng đồng lựa chọn cho mình hướng phát triển phù hợp về trồng trọt, chăn nuôi. Tại những nơi còn nhiều diện tích đất và thuận lợi cho canh tác như ở xã Lao Chải (tập trung người Hmông) hay xã Thanh Thủy (tập trung người Tày, Nùng) thuộc huyện Vị Xuyên, người dân tiếp tục đẩy mạnh sản xuất cây hàng hóa và chăn nuôi. Trong khi ở những địa phương đất đai hạn hẹp, điều kiện canh tác khó khăn như xã Phú Lũng, huyện Yên Minh (tập trung người Hmông) và xã Lũng Cú, huyện Đồng Văn (người Lô Lô), người dân chủ yếu phát triển chăn nuôi. Các sản phẩm nông nghiệp như chè, dược liệu, rau màu và lợn, gà giống địa phương được thị trường ưa chuộng và có cơ hội phát triển hơn trong thời gian tới nếu như hạ tầng giao thông được cải thiện và người dân địa phương có điều kiện tiếp cận thị trường tốt hơn.

Do nông nghiệp chỉ đảm bảo yêu cầu lương thực, không đáp ứng được yêu cầu chi tiêu, cải thiện đời sống cho các gia đình, nên lao động làm thuê xuất hiện ở tất cả cộng đồng.

Song, mức độ tham gia và hình thức làm thuê, di cư lao động của mỗi cộng đồng lại khác nhau. Ở những địa phương ít đất sản xuất và điều kiện canh tác khó khăn như xã Phú Lũng và Lũng Cú, người dân tham gia lao động xuyên biên giới và lao động di cư đi các tỉnh xa nhiều hơn các địa phương khác. Mặc dù cả 4 tộc người Hmông, Tày, Nùng và Lô Lô đều có đồng tộc ở bên kia biên giới nhưng trong 4 điểm được nghiên cứu chỉ có người Hmông ở Phú Lũng và Lô Lô ở Lũng Cú còn duy trì quan hệ họ hàng, bạn bè đồng tộc xuyên biên giới. Người dân ở hai cộng đồng này cũng tự nhận họ là những người năng động, cởi mở, thích giao lưu với người đồng tộc và các tộc người khác xung quanh và bên kia biên giới. Đây được xem là nguyên nhân khiến cho hiện tượng lao động di cư qua biên giới phổ biến ở hai cộng đồng này trước khi diễn ra đại dịch Covid-19 năm 2020.

Thực tế còn cho thấy, vị trí địa lý, địa hình đóng vai trò rất quan trọng trong phát triển kinh tế của các địa phương. Với vị trí thuận lợi về giao thông, cảnh quan địa hình đẹp và thuận lợi cho phát triển du lịch, thôn Thanh Sơn và Lô Lô Chải đã được đầu tư phát triển du lịch cộng đồng, nhờ đó đời sống của người dân được nâng cao hơn so với các cộng đồng xung quanh. Điều này càng khẳng định thêm vai trò quan trọng của chính sách đầu tư có trọng tâm của Đảng và Nhà nước ta, đặc biệt là đầu tư cơ sở hạ tầng, tạo việc làm, thị trường tiêu thụ sản phẩm... đối với đời sống sinh kế của các tộc người vùng biên giới.

Tài liệu tham khảo

1. Ban Dân tộc tỉnh Hà Giang (2021), *Báo cáo tổng kết công tác Dân tộc năm 2021, phương hướng nhiệm vụ năm 2022*.
2. Nguyễn Văn Chính (2021), *Di cư, đói nghèo và phát triển*, Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội.
3. Bùi Văn Đạo (Chủ biên, 2020), *Một số vấn đề cơ bản và cấp bách trong phát triển bền vững các dân tộc tại chỗ khu vực Tây Duyên Hải miền Trung*, Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội.
4. Vũ Trường Giang (Chủ biên, 2018), *Di cư xuyên biên giới của các tộc người thiểu số ở vùng Tây Bắc Việt Nam*, Nxb. Lý luận chính trị, Hà Nội.
5. Trần Hồng Hạnh (Chủ biên, 2017), *Biến đổi khí hậu và sinh kế của một số dân tộc thiểu số ở vùng miền núi Tây Bắc Việt Nam*, Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội.
6. Nguyễn Văn Minh (Chủ biên, 2021), *Bảo tồn và phát huy giá trị văn hóa truyền thống của các dân tộc thiểu số phục vụ phát triển kinh tế - xã hội tỉnh Hà Giang*, Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội.
7. Vũ Đình Mười, Nguyễn Thu Trang (2021), *Nội dung và hướng nghiên cứu về sinh kế tộc người ở Việt Nam hiện nay: Tổng quan và một số gợi mở*, Báo cáo tham luận tại Hội nghị Dân tộc học năm 2021, Viện Dân tộc học, Hà Nội.

8. Nguyễn Phương (2017), “Thôn Thanh Sơn phát triển du lịch cộng đồng gắn xây dựng Nông thôn mới”, *Báo Hà Giang*, ngày 07/04/2017, trên trang <http://www.baohangiang.vn/kinh-te/201707/thon-thanh-son-phat-trien-du-lich-cong-dong-gan-xay-dung-nong-thon-moi-706471/> (Truy cập ngày 18/3/2022).
9. Tổng cục Thống kê (2019), *Tổng điều tra dân số và nhà ở Việt Nam năm 2019*, Nxb. Thống kê, Hà Nội.
10. Duy Tuấn (2018), “Phú Lũng - xã biên giới đầu tiên cán đích Nông thôn mới”, *Báo Hà Giang*, ngày 8/11/2018, trên trang <http://baohangiang.vn/kinh-te/201708/phu-lung-xa-bien-gioi-dau-tien-can-dich-nong-thon-moi-709252/> (Truy cập ngày 18/3/2022).
11. Turner Sarah, Jean Michaud (2016), “Sinh kế nơi biên cương: Sự thích ứng của người Hmông ở vùng biên giới Việt - Trung”, trong sách: *Nhân học ở Việt Nam: Một số vấn đề về lịch sử, nghiên cứu và đào tạo*, Nxb. Trí thức, Hà Nội, tr. 315-334.
12. Ủy ban nhân dân xã Lao Chải (2021), *Thống kê, kiểm kê định kỳ diện tích đất đai* (đến 31/12/2020).
13. Ủy ban nhân dân xã Phú Lũng (2021), *Báo cáo Kết quả thực hiện nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội, quốc phòng - an ninh năm 2021 và phương hướng nhiệm vụ năm 2022*.



Làng văn hóa du lịch cộng đồng Lô Lô Chải ở xã Lũng Cú,
huyện Đồng Văn, tỉnh Hà Giang

Ảnh: Vương Xuân Tình, chụp tháng 1/2022